
**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH
KIM KHÍ**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được soát xét bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT



MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
Báo cáo kết quả công tác soát xét	5
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06 - 33
<i>Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>06 - 09</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>10</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>11 - 12</i>
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng năm 2015</i>	<i>13 - 33</i>
Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	34

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH KIM KHÍ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Kim khí (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo hình thức chuyển nhượng toàn bộ giá trị vốn Nhà nước hiện có tại Xí nghiệp Kinh doanh Dịch vụ và Xếp dỡ Vật tư thuộc Công ty Kim khí Hải Phòng theo Quyết định số 71/2000/QĐ-BCN ngày 18 tháng 12 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000033 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2001. Trong quá trình hoạt động, Công ty được cấp bổ sung 10 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 24 tháng 7 năm 2008.

Vốn điều lệ: 52.000.000.000 đồng.

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
Điện thoại : 031 382 6832
Fax : 031 382 6832
Email : Pframesco@hn.vn
Mã số thuế : 0 2 0 0 4 1 2 6 8 1

Ngành nghề kinh doanh:

- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác;
- Sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu vật tư, vật liệu hàng hoá, thiết bị phụ tùng và các sản phẩm kim khí;
- Dịch vụ vận chuyển, bốc xếp, cho thuê văn phòng, kho bãi. Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch khác;
- Kinh doanh lương thực, thực phẩm, hàng nông - lâm - thủy hải sản, vật liệu xây dựng, sắt thép phế liệu, thiết bị điện - điện tử, thiết bị bưu chính viễn thông;
- Sản xuất và chế tạo thiết bị nâng hạ; Sản xuất và kinh doanh thép các loại;
- Vận tải và đại lý vận tải hàng hoá thủy bộ;
- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hoá và phá dỡ tàu cũ; và
- Sản xuất và kinh doanh khí công nghiệp.

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất và kinh doanh sắt thép các loại.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 33).

Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Sau ngày 30 tháng 6 năm 2015 cho đến thời điểm phát hành báo cáo này, giá các mặt hàng thép trên thế giới cũng như trong nước tiếp tục giảm. Công ty đã trích lập bổ sung dự phòng giảm giá hàng tồn kho và điều chỉnh báo cáo tài chính kèm theo báo cáo này.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH KIM KHÍ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đào Trọng Khôi	Chủ tịch
Ông Đoàn Trung Hà	Ủy viên
Ông Phạm Văn Miên	Ủy viên
Ông Phạm Hữu Nha	Ủy viên
Ông Vũ Kông Trứ	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đào Trọng Khôi	Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Trung Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hữu Nha	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Phan Thị Minh Nguyệt	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Minh Hạnh	Thành viên
Bà Bùi Thị Non	Thành viên

Kế toán trưởng

Đặng Thị Mắm

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH KIM KHÍ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Đào Trọng Khôi

Ngày 28 tháng 07 năm 2015

Số : 2704.01/2015/NVT-BCTC
Ngày : 28 tháng 07 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính giữa niên độ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Kim Khí

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Kim khí, được lập ngày 28 tháng 07 năm 2015 từ trang 06 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hồng Thanh

GCNĐKHKT số: 0053-2014-124-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Hạnh

GCNĐKHKT số: 1690-2014-124-1

Trụ Sở Chính:

Số 187 đường Nguyễn Lương Bằng, P. Quang Trung, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

Chi nhánh tại Hà Nội:

47 Vũ Trọng Phụng, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:

Tòa nhà Hoàng Anh Safomec- 7/1 Thành Thái, P. 14, Q. 10, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh tại TP. Hải Phòng:

K3/125, Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ SẢN XUẤT KIM KHÍ

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		149.577.563.995	251.841.923.446
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	26.220.610.289	42.707.830.479
1. Tiền	111		9.249.322.317	19.564.739.579
2. Các khoản tương đương tiền	112		16.971.287.972	23.143.090.900
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		34.985.610.188	27.421.661.775
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	25.626.563.456	21.536.021.964
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	224.946.350	75.264.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	169.000.000	279.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	11.260.585.820	7.949.432.421
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(2.418.056.610)	(2.418.056.610)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.7	122.571.172	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	88.289.300.284	175.766.303.261
1. Hàng tồn kho	141		97.531.130.447	179.818.274.811
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(9.241.830.163)	(4.051.971.550)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		82.043.234	5.946.127.931
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	71.043.234	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	5.946.127.931
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		11.000.000	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ SẢN XUẤT KIM KHÍ

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		12.589.450.456	11.367.508.551
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		12.067.057.140	11.061.007.839
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	9.873.179.600	8.805.905.807
<i>Nguyên giá</i>	222		28.491.453.303	26.491.477.848
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(18.618.273.703)	(17.685.572.041)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	2.193.877.540	2.255.102.032
<i>Nguyên giá</i>	228		3.177.697.312	3.177.697.312
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(983.819.772)	(922.595.280)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.12	206.170.901	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		206.170.901	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		316.222.415	306.500.712
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	316.222.415	306.500.712
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		162.167.014.451	263.209.431.997

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ SẢN XUẤT KIM KHÍ

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		92.086.218.113	178.830.917.147
I. Nợ ngắn hạn	310		92.086.218.113	178.830.917.147
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	2.251.566.341	951.278.203
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	3.854.418.975	786.611.977
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	2.398.297.772	2.656.250.646
4. Phải trả người lao động	314		36.409	1.061.643.283
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	-	206.703.487
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	87.695.111	40.339.311
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	82.341.611.017	172.079.855.984
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	1.152.592.488	1.048.234.256
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ SẢN XUẤT KIM KHÍ

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		70.080.796.338	84.378.514.850
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	70.080.796.338	84.378.514.850
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		52.000.000.000	52.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		52.000.000.000	52.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		4.536.127.384	3.938.880.152
5. Cổ phiếu quỹ	415		(7.774.838.245)	(7.774.838.245)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.301.511.824	1.301.511.824
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		20.017.995.375	34.912.961.119
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		26.680.016.655	22.968.016.470
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(6.662.021.280)	11.944.944.649
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		162.167.014.451	263.209.431.997

Lập, ngày 28 tháng 07 năm 2015

Người lập biểu

Mạc Thị Nhung

Kế toán trưởng

Đặng Thị Mắm

Tổng Giám đốc



Đào Trọng Khôi

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ SẢN XUẤT KIM KHÍ

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	256.749.487.682	277.995.416.005
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		256.749.487.682	277.995.416.005
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	253.573.501.521	252.243.419.438
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.175.986.161	25.751.996.567
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	608.784.477	360.716.716
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.352.673.799	4.676.152.056
Trong đó: chi phí lãi vay	23		4.067.330.095	3.409.589.329
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	2.974.640.644	1.670.353.180
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	3.357.133.732	3.969.572.696
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(6.899.677.537)	15.796.635.351
11. Thu nhập khác	31	VI.7	337.380.224	7.725.057.968
12. Chi phí khác	32	VI.8	99.723.967	7.452.661.461
13. Lợi nhuận khác	40		237.656.257	272.396.507
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(6.662.021.280)	16.069.031.858
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	3.545.496.509
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(6.662.021.280)	12.523.535.349
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	(1.420)	2.669

Người lập biểu

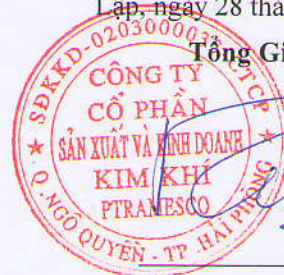
Mạc Thị Nhung

Kế toán trưởng

Đặng Thị Mắm

Lập, ngày 28 tháng 07 năm 2015

Tổng Giám đốc



Đào Trọng Khôi

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ SẢN XUẤT KIM KHÍ

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		272.629.651.524	291.771.195.316
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(136.100.382.041)	(376.071.105.068)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(3.361.054.000)	(2.756.436.000)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(3.410.092.009)	(3.331.245.580)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(2.045.521.569)	(3.357.940.501)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.697.669.549	9.038.392.646
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(53.332.830.605)	(32.323.621.840)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		76.077.440.849	(117.030.761.026)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2.206.146.356)	(588.077.856)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	278.727.273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		110.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		133.671.857	537.606.817
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.962.474.499)	228.256.234

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ SẢN XUẤT KIM KHÍ

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		104.064.339.007	296.129.450.404
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(194.666.525.547)	(236.356.928.253)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(10.321.020.160)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<u><i>(90.602.186.540)</i></u>	<u><i>49.451.501.991</i></u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(16.487.220.190)	(67.351.002.801)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	42.707.830.479	79.675.106.880
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>26.220.610.289</u>	<u>12.324.104.079</u>

Người lập biểu



Mạc Thị Nhung


Kế toán trưởng



Đặng Thị Mắm

Lập, ngày 28 tháng 07 năm 2015

Tổng Giám đốc



 Đào Trọng Khôi

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH KIM KHÍ

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, dịch vụ
- Ngành nghề kinh doanh chính:**
Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất và kinh doanh sắt thép các loại.
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường** Trong vòng 12 tháng
- Thông tin ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty**
Sau ngày 30 tháng 6 năm 2015 cho đến thời điểm phát hành báo cáo này, giá các mặt hàng thép trên thế giới cũng như trong nước tiếp tục giảm. Công ty đã trích lập bổ sung dự phòng giảm giá hàng tồn kho và điều chỉnh báo cáo tài chính này.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Kỳ kế toán năm**
Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Tiền và tương đương tiền**
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH KIM KHÍ

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên).

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được hạch toán theo nguyên tắc giá gốc và các khoản dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH KIM KHÍ

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất.

6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Là chi phí phục vụ cho nhiều kỳ sản xuất kinh doanh, được phân bổ cho kỳ sản xuất kinh doanh đến 12 tháng và trên 12 tháng.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

8. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính của doanh nghiệp.

Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí phát sinh trong kỳ.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH KIM KHÍ

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Dữ trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng	5%	10% vốn điều lệ

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH KIM KHÍ

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ là thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng là 22%.

17. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH KIM KHÍ

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

18. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày trong mục V, VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH KIM KHÍ

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.021.655.895	290.961.824
Tiền gửi ngân hàng	8.227.666.422	19.273.777.755
Các khoản tương đương tiền	16.971.287.972	23.143.090.900
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	16.971.287.972	23.143.090.900
Cộng	<u>26.220.610.289</u>	<u>42.707.830.479</u>

2. Phải thu ngắn hạn khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Nam Vang tại Hải Phòng	1.127.899.989	1.491.719.924
Doanh nghiệp tư nhân Phương Lưu	789.002.100	789.002.100
Công ty Cổ phần cơ khí xây lắp thương mại Minh Cường	1.875.123.636	1.951.266.430
Công ty Cổ phần CK và Kết cấu thép Sóc Sơn	1.947.721.155	1.947.721.155
Doanh nghiệp tư nhân Sinh Lục	142.058.391	990.858.384
Công ty Cổ phần đóng tàu và vận tải thương mại Tân Hưng	1.077.495.154	4.175.616.665
Công ty Cổ phần thép Châu Phong	446.318.825	491.318.825
Công ty Cổ phần Kim Khí Việt Hàn	842.762.870	2.156.151.199
Công ty TNHH Thương mại Hùng Nguyên	822.434.311	489.659.246
Công ty Cổ phần phát triển Hạ Long	800.000.000	-
Công ty Cổ phần Cơ khí đóng tàu Hạ Long	1.945.847.345	-
DNTN Công nghiệp TM Đức Dũng	1.833.903.529	-
Công ty TNHH thép Hoàng Đào	1.127.017.111	37.061.058
Công ty TNHH TM Dương Hưng	844.948.322	829.091.507
Các khách hàng khác	10.004.030.718	6.186.555.471
Cộng	<u>25.626.563.456</u>	<u>21.536.021.964</u>

3. Trả trước người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần phần mềm Bravo	42.300.000	-
Công ty TNHH TMDV và XLD Khánh Duy Tân	63.630.600	-
Công ty Cổ phần thiết kế chế tạo thiết bị	62.955.750	-
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính quốc tế	-	75.000.000
Các nhà cung cấp khác	56.060.000	264.000
Cộng	<u>224.946.350</u>	<u>75.264.000</u>

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Là khoản phải thu của Công ty Cổ phần thép Sao Biển.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH KIM KHÍ

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Chi hộ BHXH cá nhân	72.845.185	-	-	-
Phải thu do trả nhầm tiền hàng cho công ty TNHH Anh Đức	47.500.000	-	-	-
Tạm ứng	68.691.000	-	55.191.000	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11.040.644.028	-	7.863.335.814	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	30.905.607	-	30.905.607	-
Cộng	11.260.585.820	-	7.949.432.421	-

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động các khoản dự phòng trong kỳ:

	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn	Nợ phải thu, cho vay dài hạn	Cộng
Số đầu năm	(2.418.056.610)	-	(2.418.056.610)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-	-
Giảm do xóa nợ	-	-	-
Số cuối kỳ	(2.418.056.610)	-	(2.418.056.610)

Chi tiết nợ xấu và trích lập các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi xem phụ lục số 01.

7. Tài sản thiếu chờ xử lý

Là giá trị hàng tồn kho bị thiếu.

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Dự phòng	Số đầu năm	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	212.873.246	-	105.404.362	-
Thành phẩm	258.268.719	-	99.935.736	-
Hàng hóa	97.059.988.482	(9.241.830.163)	179.612.934.713	(4.051.971.550)
Cộng	97.531.130.447	(9.241.830.163)	179.818.274.811	(4.051.971.550)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Kỳ này	Năm trước
Số đầu năm	(4.051.971.550)	-
Trích lập dự phòng bổ sung	(5.189.858.613)	(4.051.971.550)
Số cuối kỳ	(9.241.830.163)	(4.051.971.550)

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phí bảo hiểm	43.587.400	-
Phí sử dụng đường bộ	27.455.834	-
Cộng	71.043.234	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH KIM KHÍ

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình						
Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Số đầu năm	11.475.656.007	3.986.157.700	10.629.777.899	334.703.709	65.182.533	26.491.477.848
Mua trong kỳ	-	-	1.999.975.455	-	-	1.999.975.455
Tăng do phân loại lại	-	381.073.265	-	-	-	381.073.265
Giảm do phân loại lại	-	-	(381.073.265)	-	-	(381.073.265)
Số cuối kỳ	11.475.656.007	4.367.230.965	12.248.680.089	334.703.709	65.182.533	28.491.453.303
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	5.134.859.497	4.367.230.965	3.559.156.574	334.703.709	65.182.533	13.461.133.278
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	7.131.014.929	3.986.157.700	6.168.513.170	334.703.709	65.182.533	17.685.572.041
Khấu hao trong kỳ	378.993.602	-	553.708.060	-	-	932.701.662
Tăng do phân loại lại	-	381.073.265	-	-	-	381.073.265
Giảm do phân loại lại	-	-	(381.073.265)	-	-	(381.073.265)
Số cuối kỳ	7.510.008.531	4.367.230.965	6.341.147.965	334.703.709	65.182.533	18.618.273.703
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	4.344.641.078	-	4.461.264.729	-	-	8.805.905.807
Số cuối kỳ	3.965.647.477	-	5.907.532.124	-	-	9.873.179.600

Một số tài sản cố định có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 21.280.676.339 VND và 9.135.082.449 VND đang được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền theo Hợp đồng tín dụng số 01/2014 - HĐTDHM/NHCT168 - CP SXKD Kim khí và khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng theo Hợp đồng tín dụng số 2015HM/KK.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH KIM KHÍ

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Là giá trị quyền sử dụng đất. Chi tiết số phát sinh như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Nguyên giá	
Số đầu năm	3.177.697.312
Số cuối kỳ	3.177.697.312
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	922.595.280
Khấu hao trong kỳ	61.224.492
Số cuối kỳ	983.819.772
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	2.255.102.032
Số cuối kỳ	2.193.877.540

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển tăng TSCĐ</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm TSCĐ	-	2.292.120.963	1.999.975.455	85.974.607	206.170.901
Cộng	-	2.292.120.963	1.999.975.455	85.974.607	206.170.901

13. Chi phí trả trước dài hạn

Là chi phí công cụ dụng cụ còn phải phân bổ.

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần thép HTS	1.086.376.508	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp Hóa chất	254.275.228	254.275.228
Công ty TNHH Thương mại Phú Nam	243.185.715	28.428.558
Công ty TNHH Kiến Quốc Hoa Điệp	170.000.000	170.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	113.517.305	288.162.820
Các nhà cung cấp khác	384.211.585	210.411.597
Cộng	2.251.566.341	951.278.203

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Cơ giới & Xây lắp Hùng Giang	-	280.000.000
Cty TNHH Kiến Quốc Hoa Điệp	1.048.875.247	138.875.247
Công ty Cổ phần Đầu tư PACIFIC	-	105.135.214
Cty cổ phần Phú Cường	-	137.574.051
Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật	410.008.439	-
Công ty TNHH TM và Dịch vụ Nam Vũ	552.155.794	-
Khách lẻ	1.123.000.000	-
Các khách hàng khác	720.379.495	125.027.465
Cộng	3.854.418.975	786.611.977

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH KIM KHÍ

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa		2.398.297.772	-	2.398.297.772
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		13.734.853.580	13.734.853.580	-
Thuế xuất, nhập khẩu		291.219.890	291.219.890	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.045.521.569		2.045.521.569	-
Thuế thu nhập cá nhân	610.729.077	500.325.574	1.122.054.651	(11.000.000)
Thuế nhà đất		249.106.000	249.106.000	-
Các loại thuế khác		4.000.000	4.000.000	-
Cộng	2.656.250.646	40.301.997.680	40.570.950.554	2.387.297.772

Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10 %.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(6.662.021.280)	16.069.031.858
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	138.847.892	46.861.364
<i>Chi phí không hợp lý</i>	-	46.861.364
<i>Chi phí nộp phạt hành chính</i>	90.847.892	-
<i>Chi phí đồng phục HĐQT không điều hành</i>	48.000.000	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	(6.523.173.388)	16.115.893.222
Thuế suất thuế TNDN	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	-	3.545.496.509
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	3.545.496.509

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

Số đầu năm là chi phí lãi vay phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH KIM KHÍ

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

18. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	24.373.759	22.665.759
Bảo hiểm xã hội	-	2.245.500
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	15.072.340	-
Phải trả tiền chuyển sai tên đơn vị	47.500.000	-
Phải trả khác	749.012	15.428.052
Cộng	87.695.111	40.339.311

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	14.367.219.411	14.367.219.411	19.262.925.559	19.262.925.559
<i>Vay ngắn hạn các cá nhân ⁽ⁱⁱⁱ⁾</i>				
Ông Đào Trọng Khôi	7.439.187.914	7.439.187.914	7.356.532.633	7.356.532.633
Ông Đoàn Trung Hà	3.979.154.245	3.979.154.245	9.063.145.000	9.063.145.000
Bà Lê Thị Nhân	2.948.877.252	2.948.877.252	2.843.247.926	2.843.247.926
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	67.974.391.606	67.974.391.606	152.816.930.425	152.816.930.425
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>				
Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Ngô Quyền ⁽ⁱ⁾	63.379.135.079	63.379.135.079	139.903.167.706	139.903.167.706
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hải Phòng ⁽ⁱⁱ⁾	562.380.000	562.380.000	7.038.327.885	7.038.327.885
<i>Vay ngắn hạn các cá nhân ⁽ⁱⁱⁱ⁾</i>				
Đỗ Xuân Nguyên	678.385.837	678.385.837	1.420.251.321	1.420.251.321
Nguyễn Thị Phương	788.628.660	788.628.660	818.971.106	818.971.106
Nguyễn Thị Thương	1.111.552.423	1.111.552.423	1.071.736.410	1.071.736.410
Phạm Thị Thảo	624.574.039	624.574.039	602.201.682	602.201.682
Phạm Thị Minh Huệ	529.044.822	529.044.822	510.094.340	510.094.340
Vay ngắn hạn các cá nhân khác	300.690.746	300.690.746	1.452.179.975	1.452.179.975
Cộng	82.341.611.017	82.341.611.017	172.079.855.984	172.079.855.984

(i) Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Ngô Quyền theo Hợp đồng tín dụng số 01/2014-HĐTDHM/NHCT168-CP SXKD Kim Khí ngày 02 tháng 07 năm 2014 và các phụ lục kèm theo, tổng hạn mức quy đổi ra đồng Việt Nam là 250 tỷ đồng, với mục đích bổ sung vốn kinh doanh các mặt hàng kim khí. Thời hạn cho vay cụ thể của mỗi lần giải ngân được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng. Lãi suất cho vay được thay đổi khi có sự thay đổi lãi suất của Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền. Trả nợ gốc theo đúng thời hạn ghi trên giấy nhận nợ hoặc văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng. Trả lãi vay vào ngày 25 hàng tháng. Công ty sử dụng toàn bộ vật kiến trúc trên đất và công trình phụ trợ khác kèm theo và quyền sử dụng đất tại số 6 Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền có diện

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH KIM KHÍ

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

tích là 5.324,7m² và quyền sử dụng đất tại xã An Hồng, huyện An Dương, TP Hải Phòng có diện tích 8.742 m², cùng một số máy móc thiết bị và phương tiện vận tải để đảm bảo cho khoản vay trên.

(ii) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Hải Phòng theo Hợp đồng tín dụng số 2015HM/KK ngày 29 tháng 06 năm 2015, tổng hạn mức quy đổi ra đồng Việt Nam là 20 tỷ đồng, với mục đích bổ sung vốn kinh doanh các mặt hàng kim khí. Thời hạn cho vay cụ thể của mỗi lần giải ngân được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng. Lãi suất cho vay được thay đổi khi có sự thay đổi lãi suất của Ngân hàng ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng. Trả nợ gốc theo đúng thời hạn ghi trên giấy nhận nợ hoặc văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng. Trả lãi vay trả từ ngày 26 - 30 hàng tháng. Khoản vay trên được đảm bảo bằng các tài sản của bên vay là 03 xe dầu kéo và romôóc.

(iii) Vay ngắn hạn các cá nhân theo hợp đồng tín dụng với từng cá nhân. Các khoản vay này có thời hạn vay dưới 12 tháng, khoản vay không có tài sản đảm bảo, kỳ trả lãi theo tháng, lãi suất được quy định rõ trong các hợp đồng vay và nhỏ hơn hoặc bằng 1,5 lần lãi suất Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

Chi tiết phát sinh về các khoản vay trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Lãi vay nhập gốc	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	146.941.495.591	104.064.339.007	-	(187.064.319.519)	63.941.515.079
Vay ngắn hạn các cá nhân	25.138.360.393	-	863.941.573	(7.602.206.028)	18.400.095.938
Cộng	172.079.855.984	104.928.280.580	863.941.573	(194.666.525.547)	82.341.611.017

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	698.156.914	297.247.232	(29.600.000)	965.804.146
Quỹ phúc lợi	350.077.342	300.000.000	(463.289.000)	186.788.342
Cộng	1.048.234.256	597.247.232	(492.889.000)	1.152.592.488

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH KIM KHÍ

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Trãi, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

21. Vốn đầu tư của chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	52.000.000.000	3.235.418.069	(7.774.838.245)	1.301.511.824	35.157.847.553	83.919.939.201
Tăng vốn từ lợi nhuận	-	703.462.083	-	-	-	703.462.083
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	11.944.944.649	11.944.944.649
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(1.866.771.083)	(1.866.771.083)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(10.323.060.000)	(10.323.060.000)
Số dư cuối năm trước	52.000.000.000	3.938.880.152	(7.774.838.245)	1.301.511.824	34.912.961.119	84.378.514.850
Số dư đầu năm nay	52.000.000.000	3.938.880.152	(7.774.838.245)	1.301.511.824	34.912.961.119	84.378.514.850
Tăng vốn từ lợi nhuận	-	597.247.232	-	-	(597.247.232)	-
Lợi nhuận trong năm/kỳ này	-	-	-	-	(6.662.021.280)	(6.662.021.280)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(597.247.232)	(597.247.232)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	(7.038.450.000)	(7.038.450.000)
Số dư cuối kỳ này	52.000.000.000	4.536.127.384	(7.774.838.245)	1.301.511.824	20.017.995.375	70.080.796.338

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH KIM KHÍ

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.200.000	5.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.200.000	5.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	507.700	507.700
Số lượng cổ phiếu được mua lại	507.700	507.700
- Cổ phiếu phổ thông	4.692.300	4.692.300
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.692.300	4.692.300
- Cổ phiếu phổ thông	5.200.000	5.200.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 số 01/18.4/NQ-DDHDDCDD2015 ngày 18 tháng 04 năm 2015 như sau:

- Quyết định mức trả cổ tức năm 2014 là 15%;
- Trích lập 5% lợi nhuận sau thuế vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ;
- Trích lập 5% lợi nhuận sau thuế vào quỹ khen thưởng, phúc lợi.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	254.814.302.667	276.527.864.828
Doanh thu bán thành phẩm	996.980.055	975.532.995
Doanh thu cung cấp dịch vụ	938.204.960	492.018.182
Cộng	<u>256.749.487.682</u>	<u>277.995.416.005</u>

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	247.464.750.527	251.293.377.675
Giá vốn của thành phẩm đã bán	918.892.381	950.041.763
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	5.189.858.613	-
Cộng	<u>253.573.501.521</u>	<u>252.243.419.438</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH KIM KHÍ

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	133.671.857	269.245.706
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	475.112.620	25.372.665
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	66.098.345
Cộng	608.784.477	360.716.716

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	4.067.330.095	3.409.589.329
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	285.343.704	1.257.589.577
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	8.973.150
Cộng	4.352.673.799	4.676.152.056

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.056.164.000	1.056.164.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	771.146.568	771.146.568
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.147.330.076	1.147.330.076
Cộng	2.974.640.644	2.974.640.644

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.366.378.000	1.366.378.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	9.697.000	9.697.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	454.275.374	454.275.374
Thuế, phí và lệ phí	682.586.715	682.586.715
Chi phí dịch vụ mua ngoài	844.396.893	844.396.893
Cộng	3.357.333.982	3.357.333.982

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH KIM KHÍ

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý TSCĐ	-	278.727.273
Thu nhập từ tiền cho thuê đất	-	7.445.857.925
Tiền bồi thường bảo hiểm	336.781.321	-
Thu nhập khác	598.903	472.770
Cộng	337.380.224	7.725.057.968

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí tiền cho thuê đất	-	7.445.857.925
Các khoản phạt	90.847.892	-
Chi phí khác	8.876.075	6.803.536
Cộng	99.723.967	7.452.661.461

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(6.662.021.280)	12.523.535.349
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(6.662.021.280)	12.523.535.349
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	4.692.300	4.692.300
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.420)	2.669

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ công ty phát sinh giao dịch không bằng tiền như sau:

Lãi tiền vay nhập gốc của khoản vay ngắn hạn	Kỳ này 863.941.573
--	-----------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH KIM KHÍ

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong các thuyết minh ở mục V.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương và phụ cấp, tiền thưởng...	911.090.000	513.710.000
Cộng	911.090.000	513.710.000

2. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một dự trữ một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH KIM KHÍ

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Vay và nợ	82.341.611.017	-	-	82.341.611.017
Phải trả người bán	2.251.566.341	-	-	2.251.566.341
Các khoản phải trả khác	87.695.111	-	-	87.695.111
Cộng	84.680.872.469	-	-	35.586.669.895
Số đầu năm				
Vay và nợ	172.079.855.984	-	-	172.079.855.984
Phải trả người bán	951.278.203	-	-	951.278.203
Các khoản phải trả khác	40.339.311	-	-	40.339.311
Cộng	173.071.473.498	-	-	173.071.473.498

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa, nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH KIM KHÍ

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.220.610.289	42.707.830.479	26.220.610.289	42.707.830.479
Phải thu khách hàng	25.626.563.456	21.536.021.964	25.626.563.456	21.536.021.964
Các khoản cho vay	169.000.000	279.000.000	169.000.000	279.000.000
Các khoản phải thu khác	151.250.792	30.905.607	151.250.792	30.905.607
Cộng	52.167.424.537	64.553.758.050	52.167.424.537	64.553.758.050
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	82.341.611.017	172.079.855.984	82.341.611.017	172.079.855.984
Phải trả người bán	2.251.566.341	951.278.203	2.251.566.341	951.278.203
Các khoản phải trả khác	87.695.111	40.339.311	87.695.111	40.339.311
Cộng	84.680.872.469	173.071.473.498	84.680.872.469	173.071.473.498

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

4. Sự kiện quan trọng phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ

Sau ngày 30 tháng 6 năm 2015 cho đến thời điểm phát hành báo cáo này, giá các mặt hàng thép trên thế giới cũng như trong nước tiếp tục giảm. Công ty đã trích lập bổ sung dự phòng giảm giá hàng tồn kho và điều chỉnh trên báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH KIM KHÍ

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán là số liệu trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm 2014 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế.

Áp dụng quy định mới về kế toán

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế cho chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán đã được phân loại lại cho phù hợp với hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính theo chế độ kế toán doanh nghiệp mới. Cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Phải thu ngắn hạn khác	136	309.905.607	7.639.526.814	7.949.432.421
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	-	279.000.000	279.000.000
Tài sản ngắn hạn khác	155	7.918.526.819	(7.918.526.819)	-
Quỹ đầu tư phát triển	418	500.000.000	801.511.824	1.301.511.824
Quỹ dự phòng tài chính		801.511.824	(801.511.824)	-

Lập, ngày 28 tháng 07 năm 2015

Người lập biểu

Mạc Thị Nhung

Kế toán trưởng

Đặng Thị Mắm

Tổng Giám đốc



Đào Trọng Khôi

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH KIM KHÍ

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ		Số đầu năm			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cơ khí Xây dựng Công trình giao thông 121	Quá hạn trên 3 năm	110.876.177	110.876.177	Quá hạn trên 3 năm	110.876.177	110.876.177
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18.1	Quá hạn trên 3 năm	72.045.507	72.045.507	Quá hạn trên 3 năm	72.045.507	72.045.507
Công ty Cổ phần Cơ khí và Kết cấu thép Sóc Sơn						
Hợp đồng ngày 27 tháng 7 năm 2012	Quá hạn 2 - 3 năm	574.093.351	401.865.346	Quá hạn 2 - 3 năm	574.093.351	401.865.346
Hợp đồng ngày 13 tháng 9 năm 2013	Quá hạn 1 - 2 năm	1.373.627.804	686.813.902	Quá hạn 1 - 2 năm	1.373.627.804	686.813.902
Công ty Cổ phần Xâu dựng và thiết bị Hiếu Linh	Quá hạn trên 3 năm	12.315.496	12.315.496	Quá hạn trên 3 năm	12.315.496	12.315.496
Công ty Cổ phần Lisemco 5	Quá hạn 2 - 3 năm	94.482.975	94.482.975	Quá hạn 2 - 3 năm	94.482.975	66.138.083
Doanh nghiệp tư nhân Phương Lưu	Quá hạn trên 3 năm	789.002.100	789.002.100	Quá hạn trên 3 năm	789.002.100	789.002.100
Công ty Cổ phần thép Châu Phong	446.318.825					
Trong đó quá hạn theo điều khoản hợp đồng	Quá hạn 6 tháng-1 năm	272.183.693	81.655.108			
Công ty Cổ phần thép Sao Biển	Quá hạn trên 3 năm	169.000.000	169.000.000	Quá hạn trên 3 năm	279.000.000	279.000.000
Số dư cuối kỳ này		3.641.762.235	2.418.056.611		3.305.443.410	2.418.056.611